

KHẨU QUYẾT MANH PHÁI MỆNH LÝ HIỆP HÔN

1- Tổng luận hôn nhân

Nam nữ trắc hôn đều giống nhau,
Đầu tiên tất phải luận đề cương.
Trụ thảng vốn là cung hôn nhân,
Chi ngày phối ngẫu rất chính thường.
Tiếp theo lại nắm Tài Quan xem,
Sinh khắc chế hóa phải xem kĩ.
Hình xung xuyên tuyệt hôn bất ổn,
Tình cảm không chân thảng Không Vong.
Thảng thấy Thương Sát thường tranh cãi,
Nguyệt lệnh Tỉ Kiếp thường cãi nhau.
Nguyệt lệnh gặp hợp hôn nhân tốt,
Tài Quan Ấn tinh cảm tình vượng.
Chi ngày gặp hợp có ngoại tình,
Chi là Quan Sát quản thúc mạnh.
Nhật toạ Chính Tài vợ giúp đỡ,
Vợ giữ nhà tất có diệu pháp.
Chính Tài nếu có toạ Tướng tinh,
Tất có vợ đẹp giỏi tài năng.
Nhật toạ Chính Ấn vợ lương thiện,
Về già tất nhiên bái Phật đường.
Nhật can vượng tướng Thiên Tài vượng,
Thê thiếp thành bầy một bang lớn.
Nam mệnh Thê tinh bị tranh hợp,
Là cưới hai lần mang ba nơi.
Nữ mệnh Phu tinh bị tranh hợp,
Là lấy hai chồng mang ba nơi.
Nam mệnh Tài tinh tranh hợp nhật,
Là có ba góc nuôi hôn ngoại.

Nữ mệnh Quan tinh tranh hợp nhật,
Ba lần luyện ái mang ngoại hôn.
Nhật kiến Chính tinh phối ngẫu tốt,
Kiêu Thương Kiếp Sát ngẫu bất lương.
Chi ngày tháng giờ có phục ngâm,
Tình cảm phong ba liên miên dài.
Bính Ngọ Đinh Mùi thấy nhiều thủy,
Tuất Hợi thủy nhiều khó cùng giường.
Tam Viên hợp nhật hôn nhân đẹp,
Xung xuyên chi ngày hôn không bền.
Can nhập thê mộ nam sợ vợ,
Thân nhược Tài đa sợ tân nương.
Thê tông Phu hóa nam được hiền,
Nữ mệnh hóa phu nắm giúp chồng.
Nữ mệnh Quan vượng nhập nhật chủ,
Tình cảm vợ chồng sâu lại bền.
Sa vào tha hương có ngoại ngộ,
Tình cảm không nên nói với người.
Tài tinh hư thấu tình không chuyên,
Chỉ có âm thầm trong tư tưởng.
Muốn nói tướng mạo như thế nào,
Bên trong chi ngày luận cát lành.
Dần Thân Tị Hợi một cao trung,
Tý Ngọ Mão Dậu chiều cao lớn.
Thìn Tuất Sửu Mùi một lớn bé,
Nói đến tướng mạo rất bình thường.
Nam hành Tài hương tam hợp địa,
Ở trong mệnh liền kết hôn sớm.
Thương quan nếu phải bị khắc chế,
Tất cưới nghĩa nữ làm phòng vợ.
Nhược năng liễu đạt Âm Dương lý,

Thiên Địa đô lai nhất tướng trung.

2- Bí quyết hợp hôn (một)

Nam nữ hợp hôn việc đại sự,

Nạp âm năm mệnh xem ngũ hành.

Năm mệnh tương sinh là tốt nhất,

Thứ hai Tỉ hợp là trung đẳng.

Lại xem chính ngũ hành trụ năm,

Tương sinh tương hợp là thành hôn.

Tương khắc tương chiến hôn không bền,

Hình xung lục hại không thể hợp.

Năm mệnh tương sinh không thể tán,

Hình xung tranh cãi qua cả đời.

Hai, xem chi giờ chính ngũ hành,

Tốt nhất tương hợp lại tương sinh.

Hình xung khắc hại thường tranh cãi,

Không tranh không cãi năm bệnh sinh.

Ba, xem trụ ngày song ngũ hành,

Tài Quan chính hợp rất hữu tình.

Những can chi khác không phải luận,

Tốt nhất đối phương có chính tinh.

Ngũ hành vinh khô cũng bổ sung,

Nếu có tương chiến giữ thông quan.

Tương phối tuyệt đối trên đời hiếm,

Không phạm đại kị năm phối hôn.

Phụ: Bí quyết năm mệnh nạp âm tương khắc

Thiên Thượng Hỏa không sợ Giản Hạ Thủy

Đại Lâm Mộc không sợ Kim Bạc Kim

Đại Lâm Mộc không sợ Xoa Xuyên Kim

Đại Khê Thủy không sợ Sa Trung Thổ

Hải Trung Kim không sợ Phúc Đăng Hỏa

(Bên trên nếu hai bên gặp nhau, ít tình cảm, thân thể không tốt.)

Tang Chá Mộc rất sợ Kiếm Phong Kim

Son Đầu Hỏa rất sợ Thiên Hà Thủy

Bạch Chá Kim rất sợ Lô Trung Hỏa

Hải Trung Kim rất sợ Phích Lịch Hỏa

Sa Trung Thổ rất sợ Đại Lâm Mộc

Tuyền Trung Thủy rất sợ Đại Dịch Thổ

(Bên trên nếu cả hai gặp nhau, có dấu hiệu sinh tử ly biệt)

Chú thích:

+ Thiên thượng hỏa: Mậu Ngọ - Kỷ Mùi; Gián hạ thủy: Bính Tý-Đinh Sửu.

+ Đại Lâm mộc: Mậu Thìn - Kỷ Tị; Kim bạc kim: Nhâm Dần-Quý Mão; Thoa xuyên kim: Canh Tuất – Tân Hợi.

+ Đại khô thủy: Giáp Dần - Ất Mão; Sa trung thổ: Bính Thìn-Đinh Tị.

+ Hải Trung kim: Giáp Tý-Ất Sửu; Phúc đăng hỏa: Giáp Thìn - Ất Tị.

+ Tang Chá mộc: Nhâm Tý-Quý Sửu; Kiếm phong kim: Nhâm Thân-Quý Dậu.

+ Sơn đầu hỏa: Giáp Tuất-Ất Hợi; Thiên Hà thủy: Bính Ngọ-Đinh Mùi.

+ Bạch chá kim: Canh Thìn-Tân Tị; Lư trung hỏa: Bính Dần-Đinh Mão.

+ Hải Trung kim: Giáp Tý-Ất Sửu; Phích lịch hỏa: Mậu Tý-Kỷ Sửu.

+ Tuyền trung thủy: Giáp Thân-Ất Dậu; Đại dịch thổ: Mậu Thân-Kỷ Dậu.

3- Quyết Năm mệnh hợp hôn

Nam kim nữ kim nhiều ân ái,

Nam kim nữ mộc nhiều vui vẻ.

Nam kim nữ thủy vợ chồng bền,
Nam kim nữ thổ hợp nhau nhất.
Nam kim nữ hỏa không hợp nhau,
Nam thủy nữ thổ rất lắm điều.
Nam thủy nữ hỏa không thành đôi,
Nam hỏa nữ thủy cũng không vui.
Nam thủy nữ thủy nguy thủ tài,
Nam thủy nữ kim nhiều phú quý.
Nam thủy nữ mộc chung sống tốt,
Nam mộc nữ hỏa chung một lòng.
Nam mộc nữ mộc có khắc thương,
Nam mộc nữ kim gây bất hòa.
Nam mộc nữ thổ sinh khẩu thiệt,
Nam hỏa nữ kim có hợp tan.
Nam mộc nữ thủy thành đôi tốt,
Nam hỏa nữ hỏa cũng không tệ.
Nam hỏa nữ thổ thanh mai trúc,
Nam hỏa nữ mộc phúc thọ nhiều.
Nam hỏa nữ thủy tương đối tốt,
Nam thổ nữ thổ hợp trăm năm.
Nam thổ nữ kim lương duyên tốt,
Nam thổ nữ hỏa nhiều kim ngân.
Nam thổ nữ thủy thường tranh cãi,
Ảnh hưởng con cái thiếu vui cười.
Nam thổ nữ mộc không thích hợp,
Tài đến tài đi có tương khắc.
Nhược năng liễu đạt Âm Dương lý,
Thiên Địa đô lai nhất tướng trung.

4- Quyết Giang hồ Mạnh Phái mệnh lý cầm tinh phạm Xuyên
Bạch Mã sợ Thanh Ngưu,

Dương Thử đuổi mỗi ngày;
Xà Hồ như đao đê,
Long Thỏ rơi nước mắt;
Kim Kê sợ Ngọc Khuyển,
Trư Hâu không tới đầu.

(Mã là Ngọ, Ngưu là Sửu, Dương là Mùi, Thử là Tý, Xà là Tị,
Hồ là Dần, Long là Thìn, Thỏ là Mão, Kê là Dậu, Khuyển là
Tuất, Trư là Hợi, Hâu là Thân)

Chỗ này là nói vị trí địa chi tương xuyên (phá):

- + Ngọ xuyên Sửu, Mùi xuyên Tý.
- + Dần xuyên Tị, Thìn xuyên Mão;
- + Dậu xuyên Tuất, Hợi xuyên Thân.

Năm, Quyết Động hôn

Nam nữ trước hôn xem nguyệt lệnh,
Gặp hợp gặp xung động cảm tình.
Lưu niên lục hợp đèn xuyên cung,
Cũng là năm đó hôn nhân động.
Thân vượng tuế vận kiến Tài tinh,
Nữ mệnh kiến Quan hôn tất thành.
Nam mệnh Tài nhược Tài lâm vượng,
Nữ mệnh Quan nhược lâm vượng thành.
Quan tinh Tài tinh bị xung động,
Tuế vận và cục có hợp thành.
Đại vận lưu niên tam lục hợp,
Hồng Loan Thiên Hỉ có hỉ khánh.
Nam gặp Thái Âm nữ Thái Dương,
Hỉ Dụng lại đến động hôn sự.
Phối ngẫu bị xung nếu gặp hợp,
Phối ngẫu bị hợp nếu gặp xung.
Lưu niên Đào Hoa hợp nhập mệnh,

Tất nhiên sống chung định kết hôn.

6- Quyết kết hôn sớm hay muộn

Quyết Kết hôn sớm.

Năm tháng Tài Quan không có phá,
Can chi tứ trụ tam lục hợp.

Nhật can vượng tướng Tài Quan nhiều,
Tiêu chí tảo hôn không cần nói.

Quyết Kết hôn muộn

Ngày giờ Tài Quan có hình khắc,
Tài Quan không hiện vận phú hoài.

Tài Quan có Thương quan thụ hại,
Nam nữ đại vận Tỉ Kiếp nhiều.

(Tảo hôn: là kết hôn sớm; Vãn hôn: Là kết hôn muộn)

7- Quyết có mang trước khi kết hôn

Trên năm tháng ngày Tài không hiển,
Nam mệnh trụ giờ Chính Tài hoạt.

Trụ giờ thê tử đồng thời có,
Khẳng định trước mang sau kết hôn.

Tài Quan không ở cung phu thê,
Chi khác có hợp nhiều bằng hữu.

Thê cung cùng tàng Chính Tài Kiếp,
Hình xung phá hại là mất trinh.

Nữ mệnh Thất Sát hiện năm tháng,
Tiết tháo khó giữ qua công thân.

Nhược năng liễu đạt Âm Dương lý,
Thiên Địa đô lai nhất tướng trung.

8- Quyết phối ngẫu gần hay xa

Thê tinh ở năm không xung khắc,

Nữ ở phương xa không cần nói.

Năm tháng tương xung Tài Quan xa,

Dịch Mã Tài Quan cự ly lớn.
Thê tinh ở tháng không xung khắc,
Nữ ở gần bên là Kiều Nga.
Trụ ngày Tài Quan không xung khắc,
Đồng sự đồng hương hoặc đồng học.
Trụ giờ Tài Quan là vãn hôn,
Tuổi so với mình nhỏ hơn nhiều.
Trên trụ năm ngày có tương hợp,
Phần đa vợ chồng gặp nhau ở trong thôn.
Chín, Quyết phương hướng phối ngẫu
Chi tháng khởi ngày phải nhớ rõ,
Đêm đến ngày sinh thì phải dừng;
Lạc chi địa chi tìm đối xung,
Hai điểm một đường định phương hướng.
Mười, Quyết cầm tinh phối ngẫu
Cầm tinh Phối ngẫu tìm nơi nào,
Gần chi xung ngày xem tử tế.
Bị xung bản thân là cầm tinh,
Hợp trụ bị xung cũng có thể.
Chi kê chi ngày nếu có hợp,
Phá hợp tức là xem cầm tinh.
Nếu cùng chi năm hợp xung Tỉ,
Cầm tinh bản thân cũng cần xem.
Sưu tầm

--

Tử Bình Tạp Lục.

Bài 1: Khâu Bình Sách - Bát Tự Cứu Cung Phi Tinh Quyết

Link: <https://m.wendangwang.com/doc/3969c2ebdd7f5ea117553f89>

(Người dịch: Trần Thiên Khánh)

Điểm tốt:

- (1) Đề cao "cung tinh đồng tham"
- (2) Đề cao cung vị
- (3) Có đề cập đến bản cung, tha cung, lạc vị, nội cung, ngoại cung

Điểm chưa tốt:

- (1) Đóng gọi lại kĩ thuật cung - tinh, vốn là một kĩ thuật cơ bản của Tử Bình, gọi bằng mỹ danh "cung tinh đồng tham"
- (2) Đề cập không đủ các trường hợp của "cung tinh đồng tham"
- (3) Từ (2): nghi án giấu nghề để bán sách hoặc không biết thật sự
- (4) Đánh đồng "nội cung, ngoại cung" với "cung tinh đồng tham". Nội cung, ngoại cung là tượng thuộc hệ thống "tiểu thời không định vị", không thuộc "cung tinh đồng tham". Tuy nhiên, có thể kết hợp "tiểu thời không định vị" với "cung tinh đồng tham" để đoán số.

Thiên Khánh chú: Vui lòng tự gạn đục khơi trong.

(Dịch thơ)

Bát tự cửu cung phi tinh quyết, cũng là khẩu quyết bát tự luận đoán sắc nét về cát hung lục thân, càng là bí quyết mệnh lý dân gian có thể giải quyết một trong những vấn đề trọng đại là làm sao luận đoán lục thân nếu không xuất hiện trong mệnh cục.

Lời dẫn: Từ năm 2003, sau khi Tân Phái lần đầu công khai giới thiệu “Bách Thần Luận”, giới mệnh lý “loạn tượng” bắt đầu hiện, về sau còn có các trường phái Mạnh Phái, phủ định truyền thống, mạnh luận bát tự, dẫn đến mệnh lý giới đầy rẫy nguy pháp, “loạn tượng” từ đó mà sinh ra. Hồ ngôn loạn ngữ luận bách thần, loạn biến lục thân, trong giới mệnh lý thường thường xảy ra. Về nguy pháp “loạn biến lục thân”, không chỉ có làm lẫn lộn tôn chỉ mệnh lý “lấy nhật làm chủ”, qua đó mà an định lục thân, vốn được Tử Bình Tổ Sư cách tân từ thời Tống, càng làm cho hậu học hoa mắt loạn thần, không biết lối ra. Càng có rất nhiều phái mệnh lý tại trong loạn tượng thừa nước đục thả câu, mệnh lý giang hồ càng thêm hiểm ác, chỉ trích nhau nổi lên bốn phía, tạp gia hoành hành. Vì bình hỗn loạn, lập lại trật tự, Khâu Bình Sách tiên sinh, người sáng tạo ra Bình Phái Mệnh Lý, đem Cửu Cung Phi Tinh Quyết của Bình Phái vô tư công khai, để trợ chúng duyên.

Bình Phái “Bát tự Cửu Cung Phi Tinh Quyết” là khẩu quyết bát tự trọng yếu để luận đoán cát sắc nét cát hung lục thân, càng là bí quyết mệnh lý dân gian có thể giải quyết một trong những vấn đề trọng đại là làm sao luận đoán lục thân nếu không xuất hiện trong mệnh cục. Việc công khai Bình Phái “Cửu Cung Phi Tinh Quyết”, không phải chỉ là lần đầu giới thiệu khái niệm “nội cung, ngoại cung”, “bản cung, tha cung”, “phi cung, lạc cung, “bát cung, cửu cung” và các khái niệm trọng yếu khác trong mệnh lý học bát tự Bình Môn, mà còn đem nội dung “Tinh Cung Đồng Tham” trong sách “Bình Sách Mệnh Lý Bí Tung” xuất bản đầu năm 2003 cùng một chỗ giảng giải. Sau

này các nhà các phái, khi bàn đến Cửu cung phi tinh, đều khó vượt qua nội dung đề cập tại đây.

Khâu Bình Sách “Bát tự cửu cung phi tinh quyết”

Một, nội cung ngoại cung

Bình môn phi cung có chính luận, lấy nhật làm chủ biện lục thân
Tứ trụ bát tự phân nội ngoại, nội ngoại không thấy, tìm tại cửu cung.

Hai, bản cung tha cung

Lục thân phi tinh lạc chỗ nào, bản cung tha cung cẩn thận tính
Phi tinh định vị lạc cung chuẩn, liền biết thập thân không bay loạn.

Ba, phi cung lạc cung

Lục thân chủ tinh có khắc ứng, thủy tượng đều tại trong lạc cung
Nguyên cục lục thân tinh không thấy, liền tìm phi cung định cát hung.

Bốn, bát tự cửu cung

Lục thân cát hung làm sao tính, tinh cung đồng tham phải hiểu rõ
Bát cung hỷ kỵ có thật giả, cửu cung phân minh, thiên địa tỏ

Giải thích các danh từ dùng trong Bát Tự Cửu Cung Phi Tinh của Khâu Bình Sách:

- 1. Phi tinh:** chỉ lục thân chủ tinh không tại bát cung tứ trụ, mà là phi nhập trong “cửu cung”.
- 2. Chủ tinh:** là lục thân chủ tinh, chỉ thập thân đại biểu lục thân trong mệnh lý học. Ví dụ như nam mệnh, Thiên Tài là chủ tinh của cha, Chính Ấn là chủ tinh của mẹ, Chính tài là chủ tinh của vợ.
- 3. Bản cung:** chỉ cung vị sở tại của bản thân lục thân. Như niên trụ là phụ mẫu cung, thì niên can, niên chi phân biệt là bản cung của cha và mẹ. Tương tự, nguyệt trụ là huynh đệ tỷ muội cung, nhật trụ là phu thê cung, thời trụ là tử nữ cung.
- 4. Tha cung:** chỉ cung vị khác, ngoài bản cung của một lục thân
- 5. Nội cung:** chỉ lục thân tại nội cung của nguyên cục tứ trụ. Trong nguyên cục, niên trụ và nguyệt trụ đại biểu nội cung.
- 6. Ngoại cung:** chỉ lục thân tại ngoại cung của nguyên cục tứ trụ. Trong nguyên cục, nhật trụ và thời trụ đại biểu ngoại cung.
- 7. Phi cung:** chỉ lục thân chủ tinh không tại bản cung, mà phi tại một cung nào đó bên ngoài bản cung trong bát tự, hoặc phi tại cửu cung.
- 8. Lạc cung:** chỉ cung vị mà lục thân chủ tinh tọa lạc. Lạc cung của lục thân chủ tinh có thể là tại bản cung, có thể là tại tha cung, cũng có thể là tại cửu cung.
- 9. Bát cung:** chỉ tám can chi của tứ trụ bát tự, đại biểu tám cung.
- 10. Cửu cung:** chỉ cung vị thứ chín, ngoài tám cung trong nguyên cục tứ trụ.

Bình Sách chú: Khi Bình môn tiên sinh Bàn Long Chân Nhân truyền quyết có đem “Cửu Cung” xưng là “Cửu Tiêu Cung”, nói rằng bát tự “Cửu cung” giống như Dụng Hào trong hai quẻ Càn Khôn trong Dịch Kinh, vốn tồn tại siêu việt sáu hào còn lại.